

KIẾN THỨC THỰC VẬT DÂN TỘC HỌC VỀ CÂY THUỐC TẠI CÁC CHỢ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA, VIỆT NAM

Nguyễn Thành Sơn^{1*}, Đào Thanh Hải¹, Nguyễn Thùy Trang¹, Nguyễn Thị Minh Châu¹,
Sông Thị Anh¹, Lầu A Po¹, Ly A Trống¹
¹ Trường đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Tại Việt Nam, chợ truyền thống thường được gọi là chợ dân sinh, nơi đây là nguồn cung cấp thực phẩm tươi sống và đồ dùng dân dụng đã quen thuộc cho nhiều thế hệ người Việt. Ngoài ra, chợ truyền thống còn là nơi mua bán và trao đổi các loài cây thuốc của người dân địa phương. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định và lập hồ sơ các loại cây thuốc được buôn bán tại các chợ trên địa bàn thành phố Sơn La. Dữ liệu được ghi lại bằng phương pháp phỏng vấn và quan sát thực địa. 121 người dân đã tham gia trả lời phỏng vấn trong đó bao gồm 15 người trồng và thu hái, 41 người buôn bán và 65 người tiêu dùng. Kết quả thu được 90 loài thực vật thuốc 79 chi và 55 họ đã được người dân địa phương sử dụng với mục đích được liệt kê để điều trị là 50 bệnh khác nhau. Lá, thân rễ và rễ là các bộ phận được sử dụng phổ biến nhất; các phương pháp như sắc, ngâm rượu, chế biến thành món ăn là những phương pháp thường được người dân sử dụng.

Từ khóa: Thực vật dân tộc học, cây thuốc, chợ truyền thống, Sơn La

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực vật dân tộc học là ngành khoa học nghiên cứu các mối quan hệ giữa con người và thực vật, bao gồm bối cảnh kinh tế và văn hóa xã hội. Thuật ngữ “*thực vật dân tộc học*” được sử dụng lần đầu tiên năm 1895 bởi nhà thực vật học người Mỹ John William Harshberger cho ngành học giải quyết mối quan hệ trực tiếp giữa thực vật và con người. Nó được định nghĩa là “*Sử dụng thực vật của các thổ dân*” [8]. Mặc dù thuật ngữ này bắt đầu được sử dụng từ năm 1895, nhưng những nghiên cứu về thực vật dân tộc học đã được thực hiện từ rất lâu trước khi thuật ngữ này được giới thiệu như trong cuốn sách *De Materia Medica* tác giả người Hy Lạp Pedanius Dioscorides đã viết về các loài thực vật hữu ích từ Địa Trung Hải [20]. Những nghiên cứu về thực vật dân tộc học không chỉ được thực hiện bởi người Ai Cập cổ đại ở Syria và Somalia, mà còn được thực hiện trong lịch sử lâu dài của Trung [18].

Hiện nay, việc toàn toàn cầu hóa nhanh chóng đã dẫn đến những thay đổi trong lối sống của người dân bản địa có thể gây ra những tổn thất lớn về kiến thức truyền thống. Thực vật dân tộc học là một phương pháp nghiên cứu sơ bộ và là công cụ có hiệu quả cao để thu thập kiến thức truyền thống đang dần biến mất một cách nhanh

chóng. Hơn nữa, những nghiên cứu thực vật dân tộc học giúp chỉ ra nhu cầu và ưu tiên của người dân địa phương trong khi các hệ thống chính sách về bảo tồn hoặc chiến lược quản lý đa dạng sinh học được xây dựng và phát triển [7].

Cây thuốc rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của những cộng đồng dân cư sống gần rừng không chỉ vì khả năng chữa bệnh mà còn là một mặt hàng được bán ở khu vực thành thị. Thị trường các loài thảo dược trên thế giới vào năm 1999 được tính là có giá trị 19,4 tỷ đô la Mỹ [12], và đối với các loại thảo dược được sử dụng bởi kiến thức truyền thống của các cộng đồng ước tính là 60 tỷ đô la Mỹ vào năm 2000 [21].

Tại Việt Nam, việc buôn bán và sử dụng các loài cây thuốc tồn tại ở tất cả các vùng miền của đất nước. Việc buôn bán các loại thảo dược phụ thuộc vào các nhà cung cấp, các công ty chế biến dược liệu và nhu cầu của các bệnh nhân sử dụng thuốc nam. Những nghiên cứu về thị trường dược liệu trong nước ở Việt Nam còn chưa được ghi chép đầy đủ, trong khi đó nhu cầu về sử dụng các loài thuốc có nguồn gốc thảo dược ngày một tăng. Đó là lý do tại sao các nghiên cứu thực vật dân tộc học tại các chợ truyền thống là cần thiết [19].

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích thu thập dữ liệu kiến thức thực vật dân tộc học của các loài cây thuốc được bán tại các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Ngoài ra, bài báo này cung cấp cơ sở dữ liệu cho bảo tồn kiến thức truyền thống và tiềm năng của những vị thuốc trong thực hành lâm sàng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 10 năm 2020, 144 lượt khảo sát đã được diễn ra theo định kỳ tại 12 chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Sơn La. Phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn là hai phương pháp được sử dụng chủ yếu trong quá trình thu thập số liệu.

Mỗi lần đến chợ sẽ tiến hành khảo sát nhanh một lần quanh chợ để nắm được những loài cây thuốc được bán và có những loài nào mới so với những lần khảo sát trước đó và tiến hành chụp ảnh, do việc mua bán các loài dược liệu tại chợ diễn ra không kiểm soát được nên việc khảo sát này phải được thực hiện ngay đầu buổi chợ để tránh những loài dược liệu bị mua bán hết khi chưa kịp thu mẫu.

Sau khi khảo sát nhanh sẽ tiến hành khảo sát thu thập số liệu chi tiết. Các cuộc phỏng vấn được sử dụng làm cơ sở để thu thập dữ liệu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn mở, áp dụng phương pháp luận tiêu chuẩn điều tra thực vật dân tộc học Martin [17]. Bảng câu hỏi sử dụng trong nghiên cứu được phát triển theo Martin [16], và Pardo-de-Santayana et al. [20]. Có tổng số 121 người cung cấp thông tin (người thu hái và gây trồng, người tiêu dùng và người buôn bán) trong độ tuổi từ 18 đến 64 đã trả lời phỏng vấn. Thông tin được thu thập bao gồm các dữ liệu khác nhau như tên, dân tộc, giới tính, tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm, tên phổ thông và tên địa phương của các loài cây thuốc, công dụng, phương pháp chế biến, phương pháp sử dụng, nơi thu hái mùa thu hái và các chỉ định chữa bệnh được xác định bởi các thầy thuốc tại địa phương [9, 10, 16].

Tiến hành chụp ảnh mẫu và thu thập mẫu sau khi kết thúc phỏng vấn. Mẫu các loại cây thuốc sẽ được xử lý và lưu tại khoa Nông Lâm

trường đại học Tây Bắc. Tiến hành định loại để xác định được tên chính xác các loài cây thuốc sử dụng bằng đối chiếu các tài liệu Những cây thuốc Việt Nam [5], Từ điển cây thuốc Việt Nam [2], Cây cỏ Việt Nam [4].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thông tin phỏng vấn

Trong nghiên cứu thực vật dân tộc học các yếu tố giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn là những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến việc đến việc truyền đạt kiến thức truyền thống về công dụng chữa bệnh của cây thuốc trong các cộng đồng dân tộc [6]. Trong nghiên cứu này nhóm nghiên cứu đã tiến hành tiếp cận 183 người trong đó 62 người (43 nam 19 nữ) không đồng ý tham gia phỏng vấn phần lớn là những người có độ tuổi từ 15-25. Tổng số có 121 người tham gia phỏng vấn trong đó có 65 người là người dân và người tiêu dùng, 41 người là người buôn bán và 15 người là thu hái và gây trồng tham gia trả lời phỏng vấn (Bảng 3.1).

Trong những người cung cấp thông tin, nữ giới chiếm 64.46% (78 người) và nam giới chiếm 35.56% (43 người). Đây là dấu hiệu cho thấy những người phụ nữ quen thuộc hơn với những loài cây thuốc, điều này trong thực tế có thể giải thích rằng phụ nữ là những người chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc sức khỏe trong gia đình nên họ quan tâm nhiều hơn đến các loài cây thuốc so với nam giới. Bên cạnh đó việc buôn bán các loài cây thuốc thì phụ nữ cũng là những người tham gia chủ yếu.

Những người cung cấp thông tin có độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ thấp khoảng 9% và số lượng người không tham gia phỏng vấn chủ yếu trong độ tuổi này biểu hiện sự khác biệt kiến thức về các loài cây thuốc giữa các độ tuổi. Những người lớn tuổi họ quan tâm và họ cũng là những người có kiến thức tốt hơn về sử dụng cây thuốc. Một số nghiên cứu đã cho thấy cùng với sự phát triển của xã hội những người trẻ tuổi họ ít quan tâm đến các kiến thức truyền thống [15, 20].

Về trình độ học vấn, 4.96% (6 người) mù chữ, 32.23% (39 người) có trình độ tiểu học, 43.8% (53 người) có trình độ trung học và 19.01% (23 người) có trình độ đại học, điều này cho thấy trong khu vực nghiên cứu những người

có kiến thức về sử dụng cây thuốc chủ yếu là nhóm người có trình độ thấp.

Bảng 3.1 Thông tin phỏng vấn

Thông tin		Số lượng	Phần trăm
Giới tính	Nữ	78	64.46
	Nam	43	35.54
Tuổi	<20	5	2.99
	20-30	10	5.99
	31-40	45	26.95
	41-50	40	23.95
	51-60	15	8.98
	>60	6	3.59
Học vấn	Mù chữ	6	4.96
	Tiểu học	39	32.23
	Trung học	53	43.80
	Chuyên nghiệp	23	19.01
Người phỏng vấn	Người dân	65	53.72
	Người thu hái và trồng	15	12.40
	Người buôn bán	41	33.88
Kinh nghiệm buôn bán	< 2 năm	7	14.29
	2-5 năm	12	24.49
	5-10 năm	19	38.78
	10-20 năm	8	16.33
	> 20 năm	3	6.12
Kinh nghiệm thu hái và trồng	< 2 năm		0.00
	2-5 năm	1	6.67
	5-10 năm	6	40.00
	10-20 năm	5	33.33
	> 20 năm	3	20.00
Dân tộc	Mường	13	10.74
	Mông	25	20.66
	Kinh	31	25.62
	Thái	42	34.71
	Khơ Mú	10	8.26

Đa dạng các loài cây thuốc được bán tại các chợ truyền thống

Theo kết quả điều tra và phỏng vấn người dân địa phương chúng tôi xác định được 90 loài cây thuốc thuộc 79 chi và 55 họ được

buôn bán tại các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Sơn La. Kết quả được thể hiện trong bảng 3.2.

Bảng 3.2 Đa dạng về thành phần các loài cây thuốc được bán tại các chợ

STT	Ngành	Số lượng		
		Họ	Chi	Loài
1	Ngành Dương xỉ - Polypodiophyta	5	5	6
2	Ngành Ngọc lan Magnoliophyta	40	59	64
	+ Lớp Ngọc Lan- Magnoliopsida			
	+Lớp Hành- Liliopsida	10	15	20

Từ kết quả bảng 3.2 cho thấy các loài cây thuốc được bán tại các chợ tập trung chủ yếu ở ngành Ngọc lan 84 loài chiếm 93,33 % tổng số loài, ngành dương xỉ 6 loài chiếm 6,67%. Trong ngành Ngọc lan, lớp Ngọc lan 64 loài (76,19 %) và lớp Hành 20 loài (23,81%).

Trong 55 họ, họ Đậu là họ được buôn bán nhiều nhất với 7 loài tiếp theo họ Bầu bí và họ Gừng với 5 loài, họ Cúc 4 loài, 3 họ với 3 loài, 12 họ 2 loài và 36 họ chỉ có 1 loài được sử dụng làm thuốc được buôn bán. Mười họ có số lượng loài được buôn bán nhiều nhất tại các chợ truyền tại chợ thống được liệt kê trong bảng 3.3.

Bảng 3.3 Mười họ có số lượng loài cây thuốc được bán nhiều nhất ở các chợ

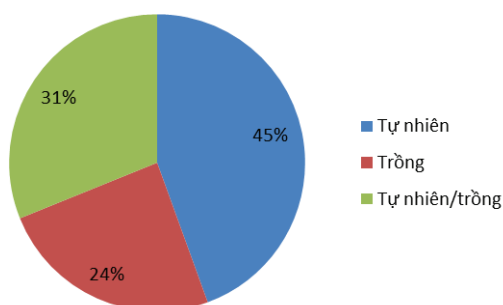
Tên họ	Số chi	Số loài
Fabaceae	6	7
Cucurbitaceae	3	5
Zingiberaceae	5	5
Asteraceae	4	4
Rubiaceae	2	3
Rutaceae	2	3
Poaceae	3	3
Apiaceae	2	2
Araliaceae	2	2
Berberidaceae	2	2

Đa dạng về nguồn gốc nơi thu hái của cây thuốc

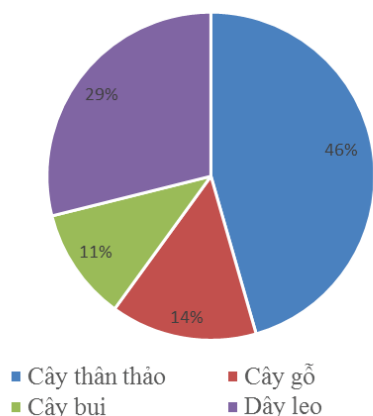
Trong số 90 loài cây thuốc được buôn bán tại các chợ truyền thống 45% số loài được thu hái từ tự nhiên, 31% số loài vừa được thu hái từ tự nhiên và tại vườn nhà sau khi được người dân đem về trồng, 24% số loài được bán chỉ được thu hái từ vườn nhà. Việc gây trồng nguồn cây thuốc tại vườn nhà giúp giảm sức ép từ việc thu hái ngoài tự nhiên và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc, đặc biệt một số loài đang có nguy cơ tuyệt chủng. Tỷ lệ về nguồn gốc và nơi thu hái cây thuốc được thể hiện tại hình 3.1.

Đa dạng về dạng sống của cây thuốc

Cây thân thảo là dạng sống được buôn bán nhiều nhất tại các chợ truyền thống chiếm 46% tổng số loài chúng thường là những loài phân bố tại các khu rừng nghèo, ven đường đi, ven suối và trong các khu canh tác nông nghiệp. Các loài này chủ yếu thuộc các họ Hoa môi, Hoa tán, Cúc. Tiếp theo là cây dây leo chiếm 29% là các loài thuộc các họ bầu bí, họ tiết dê. Nhóm cây gỗ chiếm 14% chủ yếu các loài thuộc họ Vang, họ Thầu dầu, họ Cam. Nhóm cây có tỷ lệ sử dụng và buôn bán ít nhất là nhóm cây bụi thuộc họ Sim, họ Cà. Sự đa dạng về dạng sống cây thuốc được thể hiện ở hình 3.2.



Hình 3.1 Tỷ lệ nguồn gốc nơi thu hái của các loài cây thuốc được bán tại các chợ



Hình 3.2 Tỷ lệ dạng sống của cây thuốc được bán tại các chợ

Đa dạng về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc

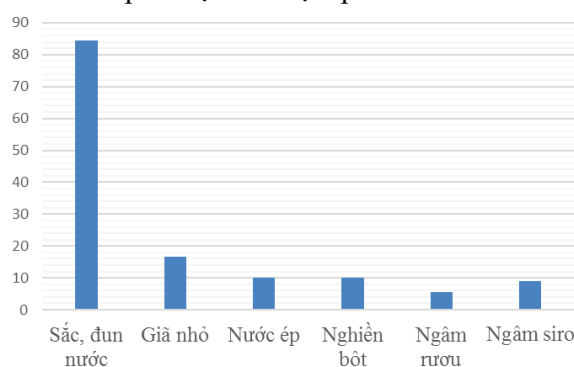
Các bộ phận khác nhau của cây được sử dụng để điều trị các bệnh khác nhau. Một số loài chỉ sử dụng một hay một số bộ phận để điều trị nhưng một số loài thì toàn bộ cây đều được sử dụng để trị bệnh. Trong nghiên cứu này lá là bộ phận được sử dụng phổ biến nhất chiếm 21.90%, thân rễ và rễ xếp thứ hai với 20.95%. Vỏ, hoa và củ hành là bộ phận được ít sử dụng để chữa bệnh. Sự đa dạng về bộ phận sử dụng được trình bày ở bảng 3.4

Bảng 3.4 Đa dạng về bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc được bán tại các chợ

Bộ phận sử dụng	Số loài	%
Lá	23	21.90
Rễ/ thân rễ	22	20.95
Toàn cây	16	17.78
Quả	13	12.38
Thân	11	10.48
Hạt	7	6.67
Củ	5	4.76
Vỏ	4	3.81
Hoa	4	3.81
Củ hành	1	0.95

Đa dạng về phương pháp chế biến

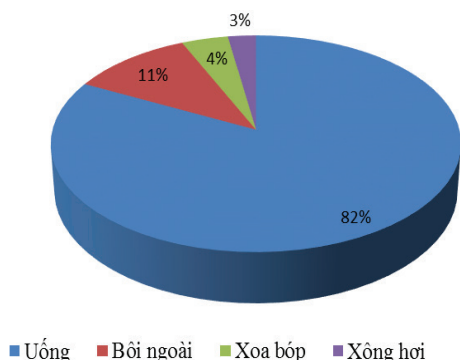
Những người được phỏng vấn cho biết việc chế biến các loài cây thuốc tùy thuộc vào bài thuốc và vị thuốc. Các phương pháp chế biến bao gồm: phơi khô, sao vàng, hạ thổ sau đó đem sắc; nghiền bột; dã nhỏ; làm nước ép; ngâm rượu hoặc ngâm siro. Kết quả được thể hiện qua hình 3.3



Hình 3.3 Tỷ lệ về phương pháp chế biến cây thuốc được bán tại các chợ

Đa dạng về phương thức sử dụng

Về phương thức sử dụng, uống là phương thức được sử dụng thường xuyên nhất (82.5%) tiếp theo là bôi và đắp ngoài da (10.83%), xoa bóp (4.17%) và phương thức được sử dụng ít nhất là xông hơi (2.5%) (hình 3.4). Thực tế đã chứng minh uống là phương thức sử dụng các loài cây thuốc phổ biến nhất điều này đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu trước đây [11, 14, 20].



Hình 3.4. Tỷ lệ về phương thức sử dụng cây thuốc được buôn bán tại các chợ

Đa dạng về các nhóm bệnh và bệnh được điều trị bởi cây thuốc được bán tại các chợ

Từ kinh nghiệm được thu thập tại các chợ cho thấy một số loài có tác dụng điều trị nhiều bệnh khác nhau và ngược lại có nhiều bệnh phải cùng sử dụng nhiều loài cây thuốc mới có hiệu quả điều trị. Trong nghiên cứu này, 90 loài cây thuốc được thu thập tại các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Sơn La với 231 cách sử dụng khác nhau để điều trị 50 bệnh. Trong đó, một số bệnh có nhiều loài cây thuốc được bán với mục đích để điều trị như bệnh Gan 17 loài, bệnh Dạ dày 10 loài, bệnh Đại tràng 9 loài. Bên cạnh đó 22 bệnh chỉ có một loài cây thuốc được bán với mục đích trị bệnh như bệnh Đau mắt, Nhiễm trùng, Ngộ độc. Điều này cho thấy, tại khu vực nghiên cứu người dân thường mắc các bệnh liên quan đến hệ tiêu hóa nên nhu cầu các loài thuốc có tác dụng chữa các bệnh thuộc nhóm bệnh này thường cao hơn. Dựa theo danh mục các nhóm bệnh của WHO [22, 23] chúng tôi chia việc sử dụng cây thuốc chữa bệnh theo các nhóm bệnh. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.5.

Thị trường tiêu thụ cây thuốc

Cây thuốc được bán tại các chợ không những có vai trò quan trọng trong hệ thống chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng người dân địa phương mà việc buôn bán các loài cây thuốc đã tạo công ăn việc làm cho người dân đem lại thu nhập không nhỏ cho những tiểu thương kinh doanh tại các chợ và người dân sống gần rừng bằng việc thu hái và trồng các loài cây thuốc. Một số loài cây thuốc được bán với giá khá cao: Tam thất 2.500.000 đ/kg, Ba kích 800.000đ/kg, Na rừng 250.000đ/kg. Thu nhập bình quân của những người này vào khoảng từ 4-6 triệu đồng/tháng tùy thuộc vào thời điểm trong năm.

Các loài cây thuốc quý hiếm được bán trên thị trường

Qua phỏng vấn người dân và điều tra thu thập thông tin tại các chợ, chúng tôi đã thu thập được một số loài cây thuốc quý hiếm thường được mua bán. Kết quả được tổng hợp trong bảng 3.6.

Bảng 3.6 Các loài cây thuốc quý hiếm được buôn bán tại các chợ

Tên loài	NĐ 06/ 2019	Sách đỏ 2007
Cầu tích <i>Cibotium barometz</i> (L.) J.Sm.	IIA	
Tắc kè đá <i>Drynaria bonni</i> Chr.	IIA	VU
Cốt toái bổ <i>Drynaria fortune</i> J.Sminth	IIA	EN
Hoàng liên ô rô <i>Mahonia bealei</i> (Fortune) Pynaert	IIA	EN
Đẳng sâm <i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook	IIA	VU
Bình vôi <i>Stephania rotunda</i> Lour.	IIA	EN
Lá khô <i>Ardisia silvestris</i> Pitard		VU
Hà thủ ô <i>Polygonum multiflorum</i> Thunb.		VU
Dây na rừng <i>Kadsura coccinea</i> (Lem) A.C.Smith	IIA	

EN: Nguy cấp; VU: Sắp nguy cấp

Bảng 3.5 Nhóm bệnh và bệnh được điều trị bởi các loài cây thuốc được bán tại các chợ truyền thống

Nhóm bệnh	Bệnh	Loài cây
Bệnh về truyền nhiễm và ký sinh trùng	Sốt rét, Quai bị, Sởi, Giun sán	Gấc, Rau má, Mướp đắng, Đậu ván
Bệnh ung thư và u bướu	Ung thư, U hạt	Trinh nữ hoàng cung, Actiso, Xạ đen
Bệnh về máu và cơ quan tạo máu	Xuất huyết, Đông máu	Cần tích, Hoa hòe
Bệnh về hệ thống miễn dịch	Dị ứng	Khế, Ngải cứu, Lá lốt
Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa	Tiểu đường, Gout, Phù, Rối loạn kinh nguyệt	Mướp đắng, giảo cổ lam, chè vàng
Bệnh rối loạn giấc ngủ	Mất ngủ	Lạc tiên, Nhân trần, Rau bợ, Đẳng sâm
Bệnh về thị giác	Đau mắt	Trầu không
Bệnh về hệ tuần hoàn	Huyết áp cao, Huyết áp thấp, Tăng huyết áp	Hoa hòe, Tam thất, Ngải cứu, Câu đằng, Đẳng sâm, Quả la hán
Bệnh về hệ hô hấp	Ho, Viêm phế quản, Viêm khí quản, Viêm phổi, Cúm	Quất, Chanh, Hồng bì đại, Cối xay
Bệnh về hệ tiêu hóa	Đau răng, Dạ dày, Đại tràng, Gan, Táo bón, Tiêu chảy, Kiết lỵ	Tam thất, Cà gai leo, Chè dây, Dớn, Rau dệu, Chè đắng
Bệnh về da liễu	Viêm da, Chàm, Mụn nhọt	Dấp cá, Mướp đắng, Chuối hột, Khúc khắc, Đinh lăng
Bệnh về hệ xương cơ hoặc mô liên kết	Đau lưng, Đau vai gáy, Thấp khớp, Viêm khớp, Đau thắt ngực	Tỏ điều, Cần tích, Tắc kè đá, Cốt toái bổ
Bệnh về hệ thống sinh dục	Viên thận, Viêm đường tiết niệu, Viêm tử cung	Chuối hột, Sâm cau, Kim tiền thảo, Mã đề
Bệnh liên quan đến sức khỏe tình dục	Cường dương, Liệt dương	Dâm dương hoắc, Ba kích, Na rừng, Sâm cau
Bệnh liên quan đến mang thai và thời kỳ hậu sản	Nguy cơ sảy thai, Suy nhược sau sinh	Chè vàng, Đương qui, Tam thất, Kim ngân
Chấn thương, ngộ độc, tác động bên ngoài	Gãy xương, Ngộ độc, Rắn cắn	Tầm gửi, Tắc kè đá, Cốt toái bổ, Rau má, Bồ kết

KẾT LUẬN

Trong khu vực nghiên cứu, phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc sức khỏe cho các thành viên trong gia đình nên họ có kiến thức về cây thuốc và kiến thức sử dụng các loài cây thuốc tốt hơn so với nam giới. Nam giới tham gia vào việc thu hái và thu mua, vận chuyển cây thuốc từ rừng và các

huyện và các xã quanh thành phố để đưa đến bán tại các chợ.

Những người lớn tuổi, người có học vấn thấp họ thường là những người có kiến thức về các loài cây thuốc tốt hơn so với người trẻ tuổi và người có học vấn cao nhất là ở độ tuổi dưới 25. Người trẻ tuổi, chịu ảnh hưởng của xã hội phát triển và giao thoa văn hóa họ không quan tâm

đến những kiến thức truyền thống nói chung và những kiến thức về sử dụng cây thuốc điều này góp phần làm cho các kiến thức truyền thống ngày càng mất đi [15, 19].

Tổng số 90 loài cây thuốc được buôn bán ở các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Sơn La thuộc 79 chi và 55 họ và 2 ngành thực vật bậc cao là Polypodiophyta và Magnoliophyta trong đó ngành Magnoliophyta chiếm ưu thế vượt trội với 84 loài. Họ Đậu, họ Gừng, họ Bầu bí, họ Cúc là những họ được buôn bán nhiều nhất.

Những cây thuốc được khai thác chủ yếu từ tự nhiên, hiện nay tại khu vực nghiên cứu việc gây trồng đã và đang được chú ý. Loài cây thuốc được gây trồng chủ yếu là những loài đa tác dụng vừa có tác dụng làm thuốc, làm gia vị, thực phẩm và làm cảnh.

Lá cây là bộ phận được sử dụng nhiều nhất, sau đó là rễ và thân rễ. Những bộ phận khác như hoa, hạt, vỏ được sử dụng ít hơn điều này đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu trước đây [14, 15, 19]. Phương pháp chế biến các loài cây thuốc chủ yếu là phơi khô sau đó sắc hoặc đun nước uống các phương pháp như nghiền bột, ngâm rượu, ngâm siro cũng khá quen thuộc với người dân địa phương.

90 loài cây thuốc với 231 cách sử dụng khác nhau để điều trị 50 bệnh được chia vào 16 nhóm bệnh theo danh mục nhóm bệnh và loại bệnh của WHO. Nhóm bệnh về tiêu hóa là nhóm bệnh có nhiều loài cây thuốc được buôn bán tại các chợ nhất điều này có thể giải thích trong đời sống văn hóa của người dân địa phương việc sử dụng rượu thường xuyên làm cho nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến hệ thống tiêu hóa cao nên nhu cầu về các loài cây thuốc để điều trị nhóm bệnh này cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tiên Bân. (2007), Sách đỏ Việt Nam Tập 2 Thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ. Hà Nội
- [2]. Võ Văn Chi. 1996. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản y dược, Hà Nội.
- [3]. Chính phủ nước CHXHCNVN (2019), Nghị định số 06/2019/ NĐ-CP ngày 22 tháng 1 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
- [4]. Phạm Hoàng Hộ. (2000), Cây cỏ Việt Nam. Nhà xuất bản trẻ. Hồ Chí Minh.
- [5]. Đỗ Tất Lợi. (1995), Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- [6]. Bano, A., Ahmad, M., Hadda, T.B., Saboor, A., Sultana, S., Zafar, M., Khan, M.P.Z., Arshad, M., Ashraf, M.A. (2014), Quantitative ethnomedicinal study of plants used in the skardu valley at high altitude of Karakoram-Himalayan range, Pakistan. *J. Ethnobiol. Ethnomed.* 10, 1.
- [7]. Bhatia, H., Sharma, Y.P., Manhas, R., Kumar, K., (2014), Ethnomedicinal plants used by the villagers of district Udhampur, J&K, India. *J. Ethnopharmacol.* 151, 1005–1018.
- [8]. Cotton, C. M. (1996). *Ethnobotany*. London, John Wiley & Sons.
- [9]. Cunningham AB. (2001), *Applied Ethnobotany: People Wild Plant Use and Conservation*. People and Plants Conservation. London: Earthscan Publications.
- [10]. Given, D.R., Harris, W., (1994), *Techniques and Methods of Ethnobotany: As An Aid to the Study, Evaluation, Conservation and Sustainable Use of Biodiversity*. The Commonwealth Secretariat, Lincoln.
- [11]. Gurib-Fakim A. (2006), Medicinal plants: traditions of yesterday and drugs of tomorrow. *Mol Aspects Med.*(1):1-93
- [12]. Hamilton, A.C., (2004), Medicinal plants, conservation and livelihoods. *Biodiversity and Conservation* 13, 1477–1517
- [13]. Hoang, S.V., P. Baas. & P.J.A. Keßler. (2008), Plant diversity in Vietnam and Ben En National Park. Agricultural Publishing House, Hanoi.
- [14] Hoang, S.V., P. Baas, & P.J.A. Keßler. (2008(b)), Traditional medicinal plants in

- Ben En National Park, Vietnam. *Blumea*. 53: 569 - 601.
- [15]. Hoang, S.V., P. Baas, & P.J.A. Keßler. (2008(c)), Uses and conservation of plant species in a National Park - a case study of Ben En, Vietnam. *Economic Botany* 62: 574 - 593.
- [16]. Martin, G.J., (1995), *Ethnobotany: A Methods Manual*. Chapman and Hall, London, UK, pp. 1.
- [17]. Martin, G.J., (2004), *Ethnobotany: A Methods Manual*. Earthscan Publications Ltd., London, pp. 01.
- [18]. Minnis, P. E. (2000), *Introduction. Ethnobotany: a reader*. P. E. Minnis. Oklahoma, University of Oklahoma Press: 3-10.
- [19]. Nguyen Thanh Son, Nian He Xia, Tran Van Chu, Hoang Van Sam, (2019), *Ethonobotanical study on medicinal plants in traditional markets of Son La province, Vietnam*. Forest and Society. Vol. 3(2): 171-198
- [20]. Pardo-de-Santayana, M., Tardo, J., Blanco, E., Carvalho, A.M., Lastra, J.J., Miguel San, E., Morales, R., (2007), *Traditional knowledge of wild edible plants used in the northwest of the Iberian Peninsula (Spain and Portugal): a comparative study*. *J. Ethnobiol. Ethnomed.* 3, 27.
- [21]. United Nations Conference on Trade And Development (UNCTAD), (2000), *Systems and National Experiences for Protecting Traditional Knowledge, Innovations and Practices*, Background note by the UNCTAD secretariat, Geneva.
- [22]. WHO (World Health Organization) *Traditional Medicine Strategy 2002–2005*. (2002), http://www.wpro.who.int/health_technology/book_who_traditional_medicine_strategy_2002_2005.pdf. Accessed 15 Oct 2015.
- [23]. WHO- ICD- 11 for Mortality and Morbidity Statistics 2018. <https://icd.who.int/browse11/l-m/en> (2018).

ETHNOBOTANICAL STUDY ON MEDICINAL PLANT IN TRADITIONAL MARKETS OF SONLA CITY, SONLA PROVINCE, VIETNAM

Nguyen Thanh Son ¹, Dao Thanh Hai ¹, Nguyen Thuy Trang ¹, Nguyen Thi Minh Chau ¹,
Song Thi Anh¹, Lau A Po¹, Ly A Trong¹
¹ Tay Bac university

Abstract: *In Vietnam, traditional markets or peoples markets, a source of fresh food and household utensils, have been familiar to many Vietnamese generations. Traditional markets are also a place to buy, sell and exchange medicinal plants of the local people. This study aims to identify and record medicinal plants traded in 12 traditional markets of Son La city. Data is obtained by interviews and field observations. 121 people participated in interviews including 15 growers and collectors, 41 traders and 65 consumers. The study shows a total of 90 plant species belonging to 79 genera and 55 families are used by local people for the treatment of 50 different diseases. Leaves, rhizomes, and roots are most commonly used with popular methods of sharpening, soaking in alcohol, or processing into food.*

Keywords: *Ethnobotanical, traditional market, medicinal plant, Sonla*

Ngày nhận bài: 23/11/2020. Ngày nhận đăng: 25/12/2020.

Liên lạc: Nguyễn Thành Sơn, e - mail: nguyenthansonsl@utb.edu.vn